

**CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN LÂM SẢN**

Trình độ đào tạo : **Đại học**  
 Mã ngành : **7549001**  
 Loại hình đào tạo : **Chính qui**  
 Khóa : **2025 - 2030**

**II. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH****1. Cấu trúc chương trình đào tạo chung**

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Loại học phần			
			BB	TC	LT	TH
<b>1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>37</b>	<b>31</b>	<b>6</b>	<b>33</b>	<b>4</b>
1.1	Kiến thức lý luận chính trị, pháp luật	16	16	0	16	0
1.2	Kiến thức khoa học cơ bản	13	11	2	11	2
1.3	Kiến thức bổ trợ	8	4	4	6	2
<b>2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp - Cử nhân</b>	<b>83</b>	<b>71</b>	<b>12</b>	<b>46</b>	<b>37</b>
	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp - Kỹ sư</b>	<b>113</b>	<b>95</b>	<b>18</b>	<b>50</b>	<b>63</b>
2.1	Kiến thức cơ sở ngành/liên ngành	24	22	2	17	7
	<b><u>Giai đoạn 1: Cử nhân</u></b>					
2.2	Kiến thức chuyên ngành cử nhân	42	32	10	29	13
2.3	Thực tập kỹ thuật	5	5	0	0	5
2.4	Thực tập tốt nghiệp cử nhân	5	5	0	0	5
2.5	Khoá luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp	7	7	0	0	7
	<b><u>Giai đoạn 2: Kỹ sư</u></b>					
2.2	Kiến thức chuyên ngành kỹ sư	10	4	6	4	6
2.3	Học kỳ doanh nghiệp	5	5	0	0	5
2.4	Thực tập tốt nghiệp kỹ sư	5	5	0	0	5
2.5	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư	10	10	0	0	10
<b>3</b>	<b>Tổng số tín chỉ toàn khóa</b>					
	<b>Cử nhân</b>	<b>120</b>	<b>102 (85,0%)</b>	<b>18 (15,0%)</b>	<b>79 (65,8%)</b>	<b>41 (34,2%)</b>
	<b>Kỹ sư</b>	<b>150</b>	<b>126 (84,0%)</b>	<b>24 (16,0%)</b>	<b>83 (55,3%)</b>	<b>67 (44,7%)</b>
- Không bao gồm các học phần là điều kiện xét tốt nghiệp gồm Giáo dục thể chất (5 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (8 tín chỉ)						

**2. Cấu trúc chương trình đào tạo cụ thể**

Số TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Loại HP		Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
		Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước/TQ	Song hành	
<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 37TC (Bắt buộc: 33TC; Tự chọn: 04TC)</b>								
<b>Kiến thức chung</b>		<b>16</b>	<b>0</b>					
1	Triết học Mác - Lênin (3+0)	3	0	x				1.2
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2+0)	2	0	x				2.1
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2+0)	2	0	x				2.1
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh (2+0)	2	0	x				2.2
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2+0)	2	0	x				2.2
6	Pháp luật đại cương (2+0)	2	0	x				2.2
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học (3+0)	3	0	x				2.2
<b>Kiến thức khoa học cơ bản</b>		<b>11</b>	<b>2</b>					
1	Giải tích và ứng dụng (2+0)	2	0	x				1.1
2	Vật lý ứng dụng (2+0)	2	0	x		x		1.1
3	Xác suất thống kê (3+0)	3	0	x				1.2
4	Hình học họa hình: Giao - hình chiếu thẳng góc (2+0)	2	0	x		x		1.1
5	Sức bền vật liệu (2+0)	2	0	x				1.2
6	Chọn 02 TC trong các HP sau:	0	2		x			2.3
6.1	<i>Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) vào nghiên cứu và diễn họa đồ gỗ nội thất (0+2)</i>				x			
6.2	<i>Lập trình ứng dụng trong chế biến gỗ (0+2)</i>				x			
<b>Kiến thức bổ trợ</b>		<b>6</b>	<b>2</b>					
1	Tiếng Anh chuyên ngành (2+0)	2	0	x				4.1
2	Kỹ thuật vẽ phác đồ gỗ nội thất (0+2)	0	2	x		x		2.1
3	Chọn 02 TC trong các HP sau:	2	0		x			1.1
3.1	<i>Lịch sử Đồ gỗ Nội thất (2+0)</i>				x			
3.2	<i>Cơ sở văn hoá Việt Nam (2+0)</i>				x			
4	Chọn 02 TC trong các HP sau:	2	0		x			2.1
4.1	<i>Những vấn đề kinh tế - xã hội Đông Nam Bộ (2+0)</i>				x			
4.2	<i>Tư duy biện luận ứng dụng (2+0)</i>				x			
<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP:</b>								
- <b>Cử nhân: 83</b> (Bắt buộc: 71TC; Tự chọn: 12TC)								
- <b>Kỹ sư: 113</b> (Bắt buộc: 95TC; Tự chọn: 18TC)								

Số TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Loại HP		Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
		Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước/TQ	Song hành	
<b>GIẢI ĐOẠN 1: GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP - CỬ NHÂN</b>								
<b>Kiến thức cơ sở ngành/liên ngành</b>		<b>17</b>	<b>7</b>					
<b>I</b>	<b>Nhóm HP bắt buộc</b>	<b>17</b>	<b>5</b>					
1	Nhập môn ngành Công nghệ chế biến lâm sản (2+0)	2	0	x		x		1.1
2	Khoa học gỗ ứng dụng (2+0)	2	0	x		x		1.2
3	Thực hành Khoa học gỗ ứng dụng (0+1)	0	1	x				2.1
4	Cơ sở gia công đồ gỗ (3+0)	3	0	x		x		1.2
5	Thực hành cơ sở gia công đồ gỗ (0+1)	0	1	x				2.1
6	Kết cấu gỗ (2+0)	2	0	x				2.2
7	Vẽ kỹ thuật trong Thiết kế đồ gỗ (2+0)	2	0	x		x		1.2
8	Ergonomics trong thiết kế đồ gỗ nội thất (2+0)	2	0	x				2.1
9	Tin học chuyên ngành Thiết kế đồ gỗ 1: AutoCAD (0+2)	0	2	x				1.1
10	Vật liệu và phụ kiện đồ gỗ nội thất (2+0)	2	0	x				2.2
11	Máy và Thiết bị gia công gỗ (2+0)	2	0	x		x		2.2
12	Thực hành Vẽ kỹ thuật trong Thiết kế đồ gỗ (0+1)	0	1	x				2.1
<b>II</b>	<b>Nhóm HP tự chọn</b>	<b>0</b>	<b>2</b>					
13	Chọn 02 TC trong các HP sau:	0	2		x			2.1
13.1	Tính chất, ứng dụng và chế biến tre, mây (0+2)				x			
13.2	Giải phẫu và định danh gỗ (0+2)				x			
<b>Kiến thức chuyên ngành/chuyên sâu</b>		<b>29</b>	<b>13</b>					
<b>I</b>	<b>Nhóm HP bắt buộc</b>	<b>19</b>	<b>13</b>					
1	Thiết kế đồ gỗ nội thất 1 (2+0)	2	0	x		x		2.3
2	Đồ án thiết kế đồ gỗ nội thất 1 (0+1)	0	1	x				3.1
3	Thiết kế đồ gỗ nội thất 2 (0+2)	0	2	x		x		3.1
4	Đồ án thiết kế đồ gỗ nội thất 2 (0+1)	0	1	x				3.2
5	Công nghệ sản xuất đồ gỗ nội thất (3+0)	3	0	x				3.1
6	Hoàn thiện bề mặt gỗ và đồ gỗ (2+0)	2	0	x		x		3.2
7	Kiểm tra chất lượng đồ gỗ nội thất (0+2)	0	2	x				3.2
8	Công nghệ sấy gỗ (2+0)	2	0	x				3.1



Số TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Loại HP		Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
		Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước/TQ	Song hành	
<b>GIẢI ĐOẠN 2: GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP - KỸ SƯ</b>								
<b>Kiến thức chuyên ngành/chuyên sâu</b>		<b>4</b>	<b>6</b>					
<b>I</b>	<b>Nhóm HP bắt buộc</b>	<b>0</b>	<b>4</b>					
1	Thiết kế đồ gỗ bằng Autodesk Inventor (0+2)	0	2	x				4.2
2	Công nghệ sản xuất vật liệu gỗ (0+2)	0	2	x				4.1
<b>II</b>	<b>Nhóm HP tự chọn</b>	<b>4</b>	<b>2</b>					
3	Chọn 04 TC trong các HP sau:	4	0		x			4.2
3.1	Công nghệ thông minh sản xuất đồ gỗ nội thất (2+0)				x			4.2
3.2	Hoá cao phân tử (2+0)				x			4.2
3.3	Chuyên đề vật liệu mới trong đồ gỗ nội thất (2+0)				x			4.2
4	Chọn 2 TC trong các HP sau:	0	2		x			4.2
4.1	Thiết kế và Thi công đồ gỗ nội thất đặt hàng nguyên căn (0+2)				x			4.3
4.2	Đồ họa CNC (0+2)				x			4.2
4.2	Tổ chức thi công công trình gỗ (0+2)				x			4.3
<b>Thực tập/ thực tập tốt nghiệp Kỹ sư</b>		<b>0</b>	<b>10</b>					
1	Học kỳ doanh nghiệp (0+5)	0	5	x				4.3
3	Thực tập tốt nghiệp Kỹ sư (0+5)	0	5	x				4.3
<b>Đồ án tốt nghiệp Kỹ sư</b>		<b>0</b>	<b>10</b>	x				5.1
<b>KHỐI KIẾN THỨC ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP: 13 TC</b>								
1	Giáo dục thể chất 1(2TC)		2	x				1.3
2	Giáo dục thể chất 2 (3TC)		3	x				2.1
3	Giáo dục Quốc phòng an ninh (8TC)		8	x				1.3